

Trà Cú, ngày 31 tháng 8 năm 2024

Số: 69/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 147/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 7 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1986. Địa chỉ khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Ngọc H: Ông Thạch Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 09/01/2024).

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc H1, sinh năm 1986. Địa chỉ khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Tuấn K, sinh năm 1984 (chồng bà H).

Địa chỉ khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Ông Trần Văn M, sinh năm 1955 (cha ruột ông H1).

Địa chỉ khóm 1, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Thạch Văn T đại diện cho nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc H với bị đơn ông Trần Ngọc H1 thống nhất thoả thuận hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất ngày 30/11/2022 (hợp đồng được công chứng cùng ngày 30/11/2022) được xác lập giữa bên chuyên nhượng là ông **Trần Ngọc H1** với bên nhận chuyên nhượng là bà **Dương Thị Ngọc H** đối với thửa đất số 465, tờ bản đồ số 25, diện tích 772,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh**.

Về hậu quả hợp đồng vô hiệu các bên thỏa thuận như sau:

- Thửa đất số 465, tờ bản đồ số 25, diện tích 772,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh** do ông **Trần Ngọc H1** đang quản lý, sử dụng nên bên bà **Dương Thị Ngọc H** và ông **Huỳnh Tuấn K** (chồng bà **H**) không có trách nhiệm hoàn trả lại đất.

- Bà **Dương Thị Ngọc H** và ông **Huỳnh Tuấn K** có trách nhiệm hoàn trả cho ông **Trần Ngọc H1** bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG789604, số thửa 465, tờ bản đồ số 25, diện tích 772,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại **khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh**, do **Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T** cấp cho hộ bà **Kim Thị Ngọc H2** ngày 04/4/2017 (đã chỉnh lý biến động trang tư cho ông **Trần Ngọc H1** đứng tên nhận thừa kế ngày 29/11/2022).

- Bị đơn ông **Trần Ngọc H1** đồng ý hoàn trả cho bà **Dương Thị Ngọc H** và ông **Huỳnh Tuấn K** số tiền vay còn nợ 464.000.000 (Bốn trăm sáu mươi bốn triệu) đồng. Trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 64.000.000 đồng (bà **H** và ông **K** đã giảm tiền lãi từ năm 2022 đến nay cho ông **H1** 50%).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền chi phí cung cấp thông tin địa chính là 70.000 đồng, bà **Dương Thị Ngọc H** đồng ý chịu số tiền này. Hoàn trả cho bà **Dương Thị Ngọc H** số tiền chi phí tố tụng chênh lệch 4.930.000 đồng tại Tòa án.

Về án phí hòa giải thành thì bà **Dương Thị Ngọc H** và ông **Huỳnh Tuấn K** phải chịu 5.800.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **H** đã nộp bằng 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002506, ngày 12/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Hoàn trả cho bà **Dương Thị Ngọc H** số tiền chênh lệch 4.200.000 đồng.

Bị đơn ông **Trần Ngọc H1** phải chịu 5.800.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002535, ngày 08/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn ông **Trần Ngọc H1** phải nộp tiếp số tiền chênh lệch 5.500.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Truyền